

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST.

Ngày 05 - 5 - 2023.

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Nguyễn Bá Lộc.

2. Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tín – Thư ký tòa án huyện Long Điền.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H. Long Điền: Ông Vũ Văn Long - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Long Điền xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 366/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm: 1995. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ 3/123 Ô1, khu phố H, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

1. *Bị đơn:* Ông Trịnh Ngọc K, sinh năm: 1990. Vắng mặt.

Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: 601 N, phường N, thành phố V, tỉnh BRVT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, tại bản khai, nguyên đơn bà T trình bày:

Bà T và ông K tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện L và có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống không hợp nhau, thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nhận thấy giữa vợ chồng không còn tình cảm và không thể chung sống với nhau được nữa, Vì vậy bà T làm đơn này yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Điền giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Trịnh Ngọc K.

- Về con chung: Bà T và ông K có 02 con chung là Trịnh Nguyễn Anh K1, sinh ngày 17-4-2016 và Trịnh Nguyễn Phương N, sinh ngày 21-10-2019, ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Trịnh Ngọc K trình bày: Ông K và bà T tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện L và có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vì vậy vợ chồng không sống chung một thời gian, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông K đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Phương T.

- Về con chung: Ông K và bà T có 02 con chung là Trịnh Nguyễn Anh K1, sinh ngày 17-4-2016 và Trịnh Nguyễn Phương N, sinh ngày 21-10-2019, ly hôn ông K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu K1, không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Áp dụng pháp luật tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã thực đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Áp dụng pháp luật về nội dung: Đề nghị cho ly hôn. Giao 02 con chung cho bà T nuôi dưỡng. Ông K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Bà T yêu cầu ly hôn với ông K và ông bà thỏa thuận Tòa án nhân dân huyện Long Điền là nơi cư trú của bà T là cơ quan giải quyết vụ án ly hôn giữa ông, bà, nên thẩm quyền giải quyết của vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Long Điền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà T, ông K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bà T, ông K theo Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng pháp luật về nội dung:

[2] Quan hệ hôn nhân: Ông K và bà T tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện L và có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vì vậy vợ chồng không sống chung một thời gian, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Ông, bà thỏa thuận ly hôn, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

[3] Về con chung: Bà T và ông K có 02 con chung là Trịnh Nguyễn Anh K1, sinh ngày 17-4-2016 và Trịnh Nguyễn Phương N, sinh ngày 21-10-2019, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con. Ông K yêu cầu nuôi dưỡng cháu K1, giao cháu N cho bà T nuôi dưỡng và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy:

Nuôi dưỡng cháu N: Ông K và bà T đều thống nhất giao cháu N cho T nuôi dưỡng, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

Nuôi dưỡng cháu K1: Cả bà T và ông K đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K1 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy hiện nay cháu K1 đang trực tiếp được bà T nuôi dưỡng; cháu đang học lớp 1 tại trường tiểu học C, thị trấn L (là nơi bà T đang cư trú); cháu có nguyện vọng muốn ở với bà T; bà T có công việc và thu nhập. Như vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn định cho cháu K1. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T được nuôi dưỡng cháu K1, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, tuyên xử:

1.1 Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương T và ông Trịnh Ngọc K thuận tình ly hôn.

1.2. Con chung: Bà T được quyền nuôi dưỡng 02 con chung: Trịnh Nguyễn Anh K1, sinh ngày 17-4-2016 và Trịnh Nguyễn Phương N, sinh ngày 21-10-2019. Ông K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông K được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của các bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

2. Án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bà T phải chịu 300.000đ án phí, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số: 0009236 ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền. Bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự o bản án để yêu cầu tòa án Tỉnh BRVT xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vấ bản án được tôn p lệ.

- Nơi nhận:

- TAND Tỉnh BRVT;
- VKSND Huyện Long Điền;
- Chi cục THADS huyện Long Điền;
- UBND TT Long Hải;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trường Mạnh

